

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 3217/KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 4 năm 2022



Ký bởi: Ủy
ban nhân dân
tỉnh Khánh
Hòa
Email:
ubnd@khanh
hoa.gov.vn
Ngày ký:
05.05.2022
07:53:08
+07:00

KẾ HOẠCH
**Phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng
tỉnh Khánh Hòa năm 2022**

Triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1025/TTr-STTTT ngày 25/4/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa năm 2022, với những nội dung cụ thể sau đây:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin ngày 11/9/2015;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;
- Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng



và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại.

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa;

- Kế hoạch số 13784/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Công văn số 3570/BTTTT-THH ngày 16/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022.

II. MỤC TIÊU

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

a) Từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số.

b) Bổ sung, mở rộng các hệ thống nền tảng, dùng chung của tỉnh; 70% cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung được chia sẻ, kết nối trên toàn tỉnh và tổ chức sử dụng có hiệu quả.

c) 100% các hệ thống thông tin (HTTT), CSDL phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị thực hiện nâng cấp, mở rộng và phát triển mới bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và đáp ứng yêu cầu Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

d) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; 100% hồ sơ thủ tục hành chính, hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, huyện, xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

đ) 90% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện qua Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

e) 25% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và HTTT của cơ quan quản lý.

g) 100% cán bộ chuyên trách về CNTT của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn; 70% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng số.

i) Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng tối thiểu 70% các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, 100% gói thầu sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước và 100% gói thầu mua sắm tập trung.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) 100% các cổng/trang thông tin điện tử (TTĐT) của các cơ quan nhà nước cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; 100% UBND cấp huyện có cổng/trang TTĐT đáp ứng các tiêu chí đánh giá mức độ hiện diện (tính minh bạch) tại Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ Chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện.

b) 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đủ điều kiện được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh được xác thực điện tử.

c) 100% thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện được công bố thực hiện trực tuyến ở mức độ 3, 4, trong đó 80% TTHC mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

d) 100% người dân, doanh nghiệp tham gia các HTTT chính quyền điện tử

được xác thực định danh điện tử trên các HTTT của tỉnh.

đ) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của tỉnh đạt từ 35% trở lên (hoặc tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết của các TTHC trực tuyến được công bố đạt từ 55% trở lên); tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

3. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin (ATTT) mạng tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất ATTT mạng đối với các hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ Chính quyền số của tỉnh.

b) Triển khai, vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin); phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong công tác giám sát, ứng cứu sự cố ATTT mạng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan điều phối quốc gia (VNCERT/CC).

c) Tối thiểu 70% HTTT được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm ATTT theo cấp độ; 100% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ, phòng, chống mã độc.

d) Nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác ATTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT ở cơ quan nhà nước các cấp; tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm ATTT cho người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, tổ chức.

đ) 100% trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

4. Hạ tầng kỹ thuật CNTT

a) Tăng cường năng lực hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm dữ liệu tỉnh và cơ quan nhà nước các cấp, đáp ứng yêu cầu triển khai xây dựng Chính quyền số theo lộ trình.

b) Chuyển đổi IPv6 cho hạ tầng, các HTTT và dịch vụ Internet cơ bản đang được triển khai trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) 100% các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Quán triệt, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương về triển khai ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số.

b) Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, từng

bước phát triển Chính quyền số của tỉnh (*chi tiết danh mục văn bản ban hành tại Phụ lục I kèm theo*).

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định, quy chế khai thác, sử dụng HTTT, CSDL dữ liệu đã được UBND tỉnh ban hành, bảo đảm phù hợp các nội dung quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

d) Chủ động liên kết, thu hút các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước; ưu tiên mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước và thuê dịch vụ CNTT theo quy định.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành các hệ thống phần mềm dùng chung tại TTDL tỉnh, tuân thủ nguyên tắc ATTT mạng; tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng kỹ thuật của các tổ chức, doanh nghiệp.

b) Vận hành hiệu quả mô hình kiến trúc điện toán đám mây riêng - private cloud cho Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến.

c) Tổ chức triển khai chuyển đổi IPv6 cho hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh (các hệ thống có kết nối Internet; hệ thống DNS; hệ thống các thiết bị mạng và thiết bị ATTT); cổng/trang thông tin điện tử (gồm toàn bộ website dưới tên miền khanhhoa.gov.vn); Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến; các phần mềm dùng chung và các dịch vụ Internet cơ bản đang được triển khai trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (quản lý văn bản, email, các phần mềm ứng dụng nội bộ,...).

d) Cơ quan, đơn vị, địa phương bổ sung hạng mục về IPv6 trong các đề án, dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT, bảo đảm các thiết bị và HTTT có kết nối internet được nâng cấp hoặc đầu tư mới phải tương thích và sẵn sàng cho việc sử dụng IPv6.

đ) UBND cấp huyện rà soát, bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật cho các phòng máy chủ tại UBND cấp huyện; trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động chuyên môn của các đơn vị thuộc, trực thuộc, UBND cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại địa phương theo lộ trình; phấn đấu đạt chỉ tiêu đánh giá theo Bộ tiêu chí đánh giá mức độ Chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện ban hành tại Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT.

e) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng rà soát, đánh giá và triển khai giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm duy trì kết nối thông suốt, ổn định.

g) Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh, bắt đầu từ các đô thị, khu công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, các ngành trọng điểm, các đô thị thông minh đến các lĩnh vực khác.

h) Khai thác, sử dụng hiệu quả ứng dụng chữ ký số đã được tích hợp trong các

phần mềm dùng chung của tỉnh.

3. Phát triển các nền tảng, hệ thống

a) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ CNTT của tỉnh (LGSP); tiếp tục triển khai dịch vụ LGSP trên hệ thống NGSP của Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện kết nối một số HTTT quan trọng theo lộ trình của Chính phủ và các bộ ngành (*kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với HTTT đăng ký và quản lý hộ tịch, hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách, các CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm,...*)

b) Bổ sung, nâng cấp, mở rộng các nền tảng dùng chung của tỉnh thông qua các dự án, nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo; chủ động phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ ngành triển khai các nền tảng dùng chung do Chính phủ quy định.

c) Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông, đặc biệt là tốc độ Internet, triển khai hiệu quả băng tầng mạng di động 4G, 5G.

4. Phát triển dữ liệu

a) Đẩy nhanh tiến độ triển khai các CSDL quốc gia trên địa bàn tỉnh, xây dựng CSDL chuyên ngành và thường xuyên cập nhật phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp, làm cơ sở xây dựng nguồn CSDL dùng chung của tỉnh, CSDL mở cấp tỉnh.

b) Chủ quản các HTTT tổ chức rà soát, đánh giá toàn bộ hiện trạng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý đang được lưu trữ trong các CSDL để xác định chất lượng dữ liệu, khả năng chia sẻ và sử dụng bởi các cơ quan bên ngoài theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Trong trường hợp dữ liệu không bảo đảm cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau thì xây dựng kế hoạch hoàn thiện, nâng cấp dữ liệu trong các năm tiếp theo.

c) Chủ quản CSDL tự tổ chức kiểm tra, đánh giá dữ liệu định kỳ hàng năm quy định tại Điều 16 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP, triển khai các biện pháp để duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá dữ liệu.

d) Cơ quan hành chính nhà nước triển khai số hóa, tạo lập dữ liệu kết quả giải quyết TTHC vào Kho quản lý dữ liệu kết quả giải quyết TTHC điện tử (đối với các kết quả giải quyết TTHC mới hình thành) và trên các phân hệ thành phần thuộc Bộ phần mềm quản lý CSDL kết quả giải quyết TTHC (đối với các kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực cần số hóa) sau khi được đào tạo, tập huấn sử dụng các chức năng phần mềm.

đ) Cơ quan, đơn vị triển khai tạo lập và nộp hồ sơ lưu trữ điện tử từ năm 2022 trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành ngay sau khi được cập nhật bản nâng cấp.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

Việc phát triển các ứng dụng, dịch vụ tại các sở, ban ngành, địa phương phải

bảo đảm đồng bộ, thống nhất, kết nối với các nền tảng dùng chung quốc gia, nền tảng dùng chung của tỉnh để tránh trùng lặp (trừ một số ứng dụng, dịch vụ dùng riêng).

5.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

a) Khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh, các phần mềm chuyên ngành ứng dụng GIS đã được đầu tư; tổ chức cung cấp, chuẩn hóa, cập nhật CSDL GIS nền và CSDL chuyên ngành theo quy định của UBND tỉnh, bảo đảm dữ liệu phải được cập nhật thường xuyên, liên tục phục vụ kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu cho Cổng Thông tin điện tử GIS Khánh Hòa và các phần mềm khác thuộc Hệ thống GIS Khánh Hòa.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cập nhật Danh mục chế độ báo cáo định kỳ ban hành tại Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh. Cơ quan, địa phương triển khai thực hiện gửi nhận đầy đủ các mẫu báo cáo theo quy định trên Hệ thống báo cáo của tỉnh.

c) Triển khai hoàn thành dự án Nâng cấp hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến của tỉnh và tổ chức sử dụng hiệu quả. Các Sở, địa phương triển khai thuê dịch vụ hệ thống họp trực tuyến hoặc sử dụng các phần mềm họp trực tuyến có sẵn phục vụ công tác chuyên môn, công tác phòng chống dịch trong thời gian chờ thủ tục đầu tư theo quy định.

d) Sở Khoa học và Công nghệ triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trên phạm vi toàn tỉnh theo mô hình ISO điện tử, tích hợp và đồng bộ với hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh.

đ) Nghiên cứu, đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ số mới, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, điều hành và kiểm soát các quy trình cung cấp dịch vụ, quản trị hệ thống, tích hợp ISO điện tử.

e) Tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ trong trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

g) Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương triển khai lập và trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số ngành giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; tập trung nguồn lực triển khai các dự án, nhiệm vụ năm 2022 bảo đảm tiến độ tại Phụ lục II kèm theo.

h) UBND thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, UBND thị xã Ninh Hòa, UBND huyện Cam Lâm triển khai lập và trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án thí điểm Nha Trang theo mô hình thành phố thông minh, đề án xây dựng thành phố/thị xã/huyện theo mô hình đô thị thông minh; tập trung nguồn lực triển khai các dự án, nhiệm vụ năm 2022 bảo đảm tiến độ tại Phụ lục II kèm theo.

i) Sở Công Thương tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 3060/KH-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy

manh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022 và kế hoạch khung giai đoạn 2022 -2025.

k) Triển khai các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực khác theo lộ trình được phê duyệt.

l) Đẩy mạnh tổ chức đấu thầu qua mạng, mỗi cơ quan, đơn vị phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu theo lộ trình triển khai của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Kế hoạch này.

m) Triển khai sử dụng hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh Khánh Hòa (@khanhhoa.gov.vn) và các hệ thống thư công vụ khác do các cơ quan Trung ương triển khai tại địa phương; không sử dụng các hệ thống thư điện tử công cộng trong hoạt động công vụ.

5.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Xây dựng và đưa vào hoạt động Trang thông tin điện tử Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa trên Cổng TTĐT của tỉnh. Rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên các cổng/trang TTĐT của các cơ quan, địa phương; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp chức năng, trang bị giải pháp ATTT cho các cổng/trang TTĐT, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt.

b) Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục hoàn thiện và đồng bộ hóa CSDL TTHC của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia; triển khai xây dựng Bộ phần mềm quản lý CSDL kết quả giải quyết TTHC, đầu tư hạ tầng CNTT phục vụ số hóa, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo lộ trình của tỉnh tại Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

c) Rà soát, cập nhật danh mục TTHC thực hiện trực tuyến, thanh toán trực tuyến, áp dụng dịch vụ bưu chính công ích. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích và chính quyền cơ sở trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thay đổi hành vi thực hiện TTHC.

d) Triển khai vận hành chính thức Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa; tiếp tục duy trì các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết TTHC cho toàn tỉnh và hệ thống cung cấp dịch vụ tin nhắn tự động thông báo kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân và các tiện ích khác.

đ) Tiếp tục triển khai sử dụng có hiệu quả các ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp như: Hệ thống khai báo thông tin dành cho các cơ sở kinh doanh lưu trú; phần mềm quản lý và công bố kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và các ứng dụng, tiện ích khác.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm ATTT mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng; Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch triển khai Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT; Kế hoạch triển khai Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”; Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo lộ trình.

c) Sở ban ngành, UBND cấp huyện hoàn thành xác định cấp độ an toàn cho các HTTT và triển khai phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ được phê duyệt; thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ; thực hiện xác định cấp độ trong quá trình xây dựng mới hoặc nâng cấp HTTT theo quy định.

d) Duy trì và phát triển Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) tại tỉnh, kết nối và chia sẻ thông tin, với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin); thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm ATTT, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung tại TTDL tỉnh và các phòng máy chủ; cập nhật bản quyền các phần mềm thương mại quét lỗ hổng bảo mật ứng dụng web, sao lưu dữ liệu; các vấn đề khác có liên quan.

đ) Thực hiện kiểm tra, đánh giá kỹ thuật ATTT đối với các HTTT thuộc phạm vi quản lý theo quy định, chú trọng đối với các nền tảng, HTTT quan trọng, HTTT dùng chung; thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng; kiểm tra ATTT các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng; các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng.

e) Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội Ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa; tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

g) Tổ chức khóa đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phụ trách ATTT tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và các thành viên Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh.

h) Phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng bảo đảm ATTT trong hoạt động công vụ cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ thông tin, dữ liệu trên môi trường số, tuân thủ các quy tắc về sử dụng dịch vụ số.

i) Cơ quan báo chí của tỉnh, cổng/trang TTĐT, HTTT cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền về hoạt động bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng, từng bước nâng cao nhận thức và kỹ năng cơ bản tự bảo vệ mình trên môi trường mạng. Tổ theo dõi, xử lý thông tin sai sự thật, thông tin xấu độc trên

không gian mạng của tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương theo dõi, kịp thời ngăn chặn, gỡ bỏ các nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm hại đến trẻ em, quyền trẻ em trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh.

k) Cơ quan, địa phương định kỳ 6 tháng và hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của hệ thống giám sát ATTT mạng đối với HTTT; kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu giám sát, cảnh báo sự cố ATTT mạng với Trung tâm giám sát an toàn thông tin của tỉnh và Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia; có kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức và sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất ATTT mạng.

l) Tăng cường phối hợp với các lực lượng Công an, Quân đội, cơ yếu để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực ATTT. Bảo đảm an toàn, an ninh các HTTT trọng yếu của tỉnh.

7. Phát triển nguồn nhân lực

a) Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số; tập huấn về chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số cho các thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh, thành viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo và cho các đối tượng khác có liên quan.

b) Cử cán bộ chủ chốt tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức; tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, sự kiện khác về chuyển đổi số, ATTT do cơ quan Trung ương tổ chức.

c) Tạo điều kiện về thời gian hoặc xem xét, cử cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước tham gia thi tuyển và học tập các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT phù hợp với vị trí việc làm.

d) Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số.

IV. GIẢI PHÁP

1. Về môi trường chính sách

a) Kịp thời triển khai cơ chế, chính sách của Chính phủ về ưu tiên đầu tư, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả tại các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp; thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển CNTT.

b) Thường xuyên rà soát, đánh giá và kịp thời cập nhật, hoàn thiện hệ thống pháp lý về triển khai, phát triển Chính quyền số của tỉnh.

c) Phát huy hiệu quả hoạt động đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT hàng năm đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị trên địa bàn tỉnh; tổ chức rà soát, đánh giá những điểm còn hạn chế và đề xuất giải pháp cụ thể để cải thiện xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh.

d) Rà soát và cập nhật, bổ sung các nội dung về phát triển Chuyển đổi số, Chính quyền số vào các văn bản chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

a) Xây dựng và triển khai các nội dung phối hợp giữa Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền số với công tác cải cách hành chính(CCHC); phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, triển khai các HTTT đã được đầu tư để đổi mới phương thức làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

b) Thực hiện chuẩn hóa quy trình TTHC; cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 phục vụ công tác CCHC của cơ quan.

c) Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá về ứng dụng CNTT trong các bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại ứng dụng CNTT, bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng CCHC (tiêu chí về hiện đại hóa nền hành chính) và bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử cấp huyện, cấp xã. Tăng cường công tác kiểm tra ứng dụng CNTT, Chuyển đổi số tại các cơ quan, địa phương lồng ghép trong các đợt kiểm tra CCHC của tỉnh.

d) Đánh giá hiệu quả triển khai, áp dụng các sáng kiến, giải pháp ứng dụng CNTT làm cơ sở cho việc tổ chức, triển khai nhân rộng các sản phẩm mang lại hiệu quả cao.

3. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác qua môi trường số với người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc ứng dụng đa dạng các kênh truyền thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân; khuyến khích người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền; nghiên cứu, đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học.

b) Nâng cấp, tích hợp các tiện ích, ứng dụng cung cấp thông tin và hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước trên Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, các cổng/trang TTĐT và các HTTT khác của cơ quan nhà nước.

c) Tích cực truyền thông quảng bá Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến, lợi ích và cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh, trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube và các nền tảng khác.

d) Nâng cao chất lượng nội dung, thời lượng phát sóng các chương trình truyền thông về Chính phủ số, Chính quyền số, chuyên mục An toàn thông tin trên

Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa; tổ chức các hội thảo, sự kiện về chuyển đổi số hàng năm.

4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong các hoạt động: Tiếp nhận/trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; thanh toán trực tuyến và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công.

b) Ưu tiên mua sắm, thuê dịch vụ các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh theo quy định cho các HTTT phục vụ Chính quyền số của tỉnh.

c) Chủ động liên kết, đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, viện, trường, trung tâm nghiên cứu, các đối tác trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực, tư vấn lập và triển khai các đề án/kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, ngành lĩnh vực.

d) Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh liên quan đến chuyển đổi số thuộc các lĩnh vực, ngành ưu tiên và thế mạnh của tỉnh.

đ) Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

5. Triển khai ứng dụng hiệu quả các công nghệ số

a) Nghiên cứu, đề xuất đưa các ứng dụng công nghệ số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối và các ứng dụng khác vào các dự án, nhiệm vụ CNTT triển khai Chính quyền số của tỉnh.

b) Đề xuất triển khai thí điểm những nền tảng, giải pháp công nghệ mới; đánh giá hiệu quả để có cơ sở đề xuất lộ trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật phù hợp, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo từng giai đoạn phát triển của tỉnh.

6. Thu hút nguồn lực CNTT

a) Triển khai thực hiện cơ chế về tài chính, phân đấu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số trong năm chiếm 1,5% tổng chi ngân sách nhà nước. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án xây dựng hệ thống nền tảng, hạ tầng kỹ thuật và ATTT.

b) Tạo điều kiện, thu hút các doanh nghiệp tham gia hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

c) Kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương qua các chương trình, dự án triển khai theo ngành dọc từ Trung ương đến địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án khác.

d) Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực CNTT.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm quốc tế và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế và các tập đoàn mạnh về phát triển Chính phủ điện

từ, Chính quyền số.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các dự án, nhiệm vụ phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa năm 2022 (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2022 dự kiến là: 140.552,126 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 0 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 112.052,126 triệu đồng (vốn đầu tư công: 52.145,726 triệu đồng, kinh phí chi thường xuyên: 59.906,4 triệu đồng).
- Vốn ODA: 28.500 triệu đồng.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa

Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Hướng dẫn, cho ý kiến về nội dung chuyên môn đối với các kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng trong quá trình thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số trong xã hội.

đ) Chỉ đạo các doanh nghiệp dịch vụ viễn thông, CNTT tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ bảo đảm các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật CNTT, viễn thông và an toàn, an ninh thông tin.

e) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia các hoạt động ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Mục III Kế hoạch này (*điểm a, b, c, d khoản 1; a, b, c, e, g khoản 2;*

điểm a, b, c khoản 3; điểm c, đ khoản 5.1; điểm b, c, d khoản 5.2; điểm a, d, e, g, h khoản 6; điểm a, b khoản 7).

h) Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và các nguồn ngân sách khác (nếu có) cho các dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ tại điểm b khoản 5.1 Mục III Kế hoạch này

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối kinh phí để tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch đối với nhiệm vụ do ngân sách bảo đảm theo đúng quy định.

5. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng các nội dung phối hợp giữa cơ quan Nội vụ và cơ quan Thông tin và Truyền thông để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền số với công tác CCHC.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu phương án bổ sung hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về CNTT, bảo đảm về số lượng và cơ cấu trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và triển khai chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu các chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực CNTT có trình độ cao đáp ứng nhu cầu công việc về công tác tại tỉnh; cơ chế chính sách đãi ngộ, đào tạo nâng cao và sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT.

d) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng và triển khai phương án đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức viên chức các cấp về chuyển đổi số, Chính phủ số, Chính quyền số, kỹ năng số, ATTT mạng và các vấn đề khác có liên quan.

đ) Thực hiện tốt công tác đánh giá thi đua khen thưởng của các cơ quan, địa phương, trong đó có lồng ghép các nội dung đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức triển khai các

nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT đã được phê duyệt trong năm.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT và truyền thông; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT vào thực tiễn quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ tại điểm d khoản 5.1 Mục III Kế hoạch này.

7. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các nhiệm vụ được giao tại Mục III (điểm b, c, d khoản 1; điểm a, d, đ, h khoản 2; điểm b khoản 3; khoản 4; khoản 5.1; điểm a, c, đ khoản 5.2; điểm b, c, đ, i, k, l khoản 6; điểm c, d khoản 7) và các dự án, nhiệm vụ CNTT tại Mục V Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, địa phương cụ thể hóa vào Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 của đơn vị và tổ chức thực hiện, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế nhằm góp phần đạt các chỉ tiêu đã đề ra.

b) Tổ chức triển khai các dự án, nhiệm vụ CNTT (công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án/nhiệm vụ, lựa chọn nhà thầu, triển khai và nghiệm thu hợp đồng,...) bảo đảm đúng quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.

c) Thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch này về Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

8. Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động ứng dụng CNTT và truyền thông tại địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch và các PCTUBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT&TH, Báo Khánh Hòa, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, CNG, NL, HN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Văn Thiệu

Phụ lục I
DANH MỤC VĂN BẢN LĨNH VỰC CNTT BAN HÀNH NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số 317/KH-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Stt	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
1	Quyết định ban hành Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh
2	Quyết định ban hành Quy trình tạm thời tổ chức, vận hành phiên hội nghị truyền hình từ xã lên Chính phủ tại tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh
3	Quyết định giao chỉ tiêu hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 cho các cơ quan, địa phương năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh
4	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	
5	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống GIS Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	
6	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	
7	Kế hoạch Ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	
8	Kế hoạch tuyên truyền chuyển đổi số giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	
9	Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	
10	Kế hoạch triển khai thí điểm Tổ công nghệ cộng đồng tại địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	

Stt	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
11	Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa phiên bản 2.0	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	
12	Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị liên quan	
13	Kế hoạch triển khai thí điểm Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	
14	Kế hoạch triển khai Đề án thí điểm xây dựng Khu dân cư điện tử	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	
15	Kế hoạch triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	<i>Kế hoạch số 1403/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh</i>
16	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022 và kế hoạch khung giai đoạn 2022 -2025	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương	<i>Kế hoạch số 3060/KH-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh</i>
17	Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan, đơn vị liên quan	
18	Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 của các ngành, địa phương	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	<i>Các Sở, địa phương xây dựng đề án tại Mục I Phụ lục II không thực hiện nhiệm vụ này</i>
19	Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 của các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	<i>Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt kế hoạch</i>